ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN HÓA – TUẦN 1

BÀI 1. MỞ ĐẦU MÔN HÓA HỌC	
Nội dung	**Hướng dẫn**
I. Hóa học là gì	**- Quan sát thí nghiệm trả lời câu hỏi** **Thí nghiệm 1. Copper (II) sulfate tác dụng với sodium hydroxide** ✣ 1. Nhận xét màu sắc các dung dịch trước khi thí nghiệm ✣ 2. Sự thay đổi màu sắc khi tiến hành thí nghiệm ✣ 3. Các chất có bị biến đổi không? Dựa vào dấu hiệu 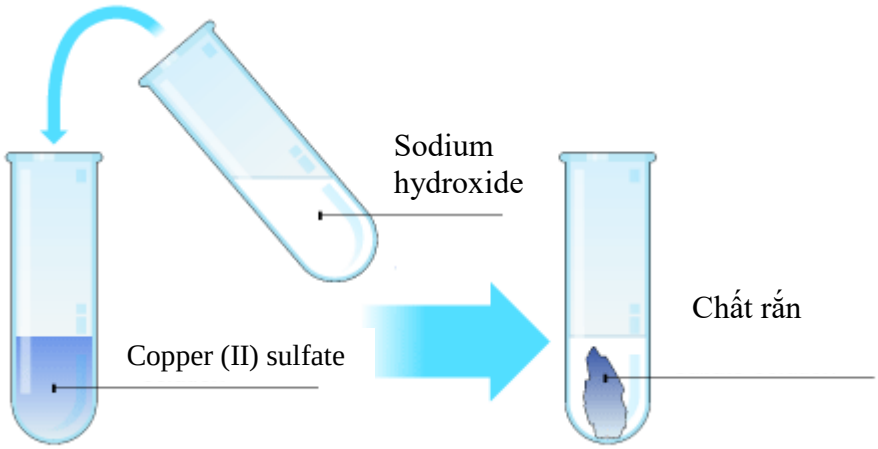 **Trả lời** 1/ Trước thí nghiệm: Sodium hydroxide không màu (trong suốt); Copper (II) sulfate có màu xanh 2/ Sau khi tiến hành thí nghiệm dung dịch không còn màu xanh, chất rắn xuất hiện. 3/ Có sự biến đổi chất, do ban đầu 2 chất ở trạng thái lỏng, sau đó có chất rắn tạo thành, và màu của dung dịch bị biến đổi. **Thí nghiệm 2: Hydrochloric acid tác dụng với đinh sắt.** ✣ 1. Nêu hiện tượng quan sát được ✣ 2. Các chất có bị biến đổi không? Dựa vào dấu hiệu

	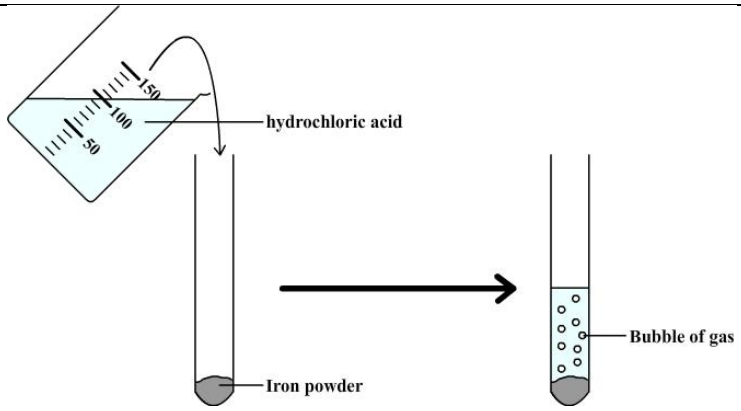 Trả lời: 1/ Có bọt khí xuất hiện 2/ Có sự biến đổi chất, do có bọt khí xuất hiện **- Từ 2 thí nghiệm trên ta thấy chất bị biến đổi, có chất mới sinh ra.** **- Khoa học nghiên cứu chất và biến đổi chất gọi là Hóa học.**
II. Hoá học có vai trò như thế nào trong cuộc sống chúng ta?	**- Trả lời các câu hỏi sau:** 1/ Kể 3 loại vật dụng được làm bằng sắt, nhôm, chất dẻo. 2/ Kể 3 loại sản phẩm hóa học được sử dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp hoặc tiểu thủ công nghiệp mà em biết. 3/ Kể ra những sản phẩm hóa học phục vụ trực tiếp cho việc học tập của em và cho việc bảo vệ sức khỏe của gia đình em. **- Hóa học gắn liền với các ngành công nông nghiệp, các sản phẩm hóa học không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày, như vậy:** ➢ **Hóa học có vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.** **- Quan sát hình ảnh về vai trò của Hóa học trong cuộc sống** 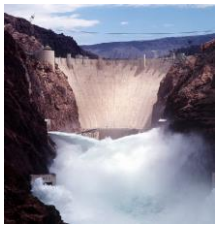

III. Các em cần phải làm gì để có thể học tốt môn hoá học?	**- Vì hóa học là môn học thực tế, nên đòi hỏi chúng ta phải nắm được lí thuyết và vận dụng được lí thuyết, tiến hành các thí nghiệm, ứng dụng vào trong cuộc sống nên:** ***1.Khi học tập môn HH các em cần chú ý thực hiện các hoạt động:*** - Tự thu thập, tìm kiếm kiến thức, xử lí thông tin, vận dụng và ghi nhớ. ***2. Phương pháp học tập môn HH như thế nào là tốt?*** - Biết làm thí nghiệm và quan sát thí nghiệm. - Có hứng thú say mê. - Phải nhớ 1 cách chọn lọc. - Phải đọc thêm sách.
	CHƯƠNG 1: CHẤT – NGUYÊN TỬ- PHÂN TỬ **BÀI 2: CHẤT**
I.Chất có ở đâu?	- Xét các vật thể sau: - Những vật tồn tại xung quanh ta hoặc trong không gian được gọi là vật thể. - Nhôm làm ra ấm, gỗ làm ra bàn ghế như vậy ta nói chất là nhôm, gỗ. → Chất có ở khắp nơi, ở đâu có vật thể là ở đó có chất. - Cỏ, hoa, cây cối là những vật thể có sẵn ở tự nhiên → vật thể tự nhiên.

- Xe đạp, bình là những vật thể do con người tạo ra → vật thể tự nhiên.
→ Vật thể chia thành 2 loại: vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo.

II. Tính chất của chất

- Hoàn thành bảng sau và trả lời câu hỏi:

	Màu	Mùi	Vị	Thể	Dạng	Tan	Cháy
Muối							
Đường							
Tinh bột							

Những đặc điểm trên của các chất ta gọi là gì? Những đặc điểm đó có thay đổi không?

- Trả lời:

	Màu	Mùi	Vị	Thể	Dạng	Tan	Cháy
Muối	Trắng	Không	Mặn	Rắn	Hạt	Tan	Không
Đường	Trắng	Không	Ngọt	Rắn	Hạt	Tan	Có
Tinh bột	Trắng	Không	Ngọt	Rắn	Hạt	Không	Có

- Những đặc điểm trên gọi là tính chất của chất. Những đặc điểm trên là không thay đổi được.

→ Mỗi chất có những tính chất nhất định.

- Tính chất của chất được phân làm 2 lọai, Tính chất vật lý: Những gì có thể nhìn thấy được bằng mắt, có thể dùng các dụng cụ đo xác định được. Tính chất hóa học, phải tiến hành các thí nghiệm để tìm ra tính chất của chất.

? Dựa vào tính chất của chất ở trên: để biết tính chất của chất ta phải làm gì?

Trả lời: - Quan sát: màu sắc, trạng thái …

- Dùng dụng cụ đo: t_s, t_{nc}, khối lượng riêng …
- Làm thí nghiệm: tính tan, tính dẫn diện, dẫn nhiệt…

- Người ta nghiên cứu tính chất của chất để làm gì?

? Làm thế nào phân biệt được nước và cồn?

Trả lời: ta thấy cồn và nước có những điểm giống nhau và khác nhau như sau:

Giống nhau: Đều là chất lỏng, không màu.

Khác nhau: Cồn cháy được, nước thì không.

Như vậy, ta lấy ở mỗi lọ một ít chất lỏng đem đốt:

- Nếu cháy được thì chất lỏng đó là cồn.
- Nếu không cháy được, chất lỏng đó là nước.

<table>
<tr>
<td></td>
<td>

? Em biết gì về mức độ nguy hiểm của axit đặc? Hiểu biết tính chất axit đặc để làm gì?

Trả lời: Axit đặc rất háo nước nên làm bỏng, cháy da thịt, vải, giấy...

Nhỏ axit sunfuric đặc vào giấy

Các vết đen trên giấy là do axit đặc làm cháy giấy

- Axit sunfuric đặc gây bỏng rất nặng

→ ***cẩn thận*** khi làm thí nghiệm với axit sunfuric đặc, không để axit dây vào người, vải, áo quần.

? Như vậy từ những ví dụ trên hãy cho biết lợi ích của việc xác định được tính chất của chất.

Trả lời:

a. Giúp phân biệt chất này với chất khác, tức nhận biết được chất.

b. Biết cách sử dụng chất.

c. Biết ứng dụng chất thích hợp trong đời sống và sản xuất.

</td>
</tr>
<tr>
<td>

Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

</td>
<td>

Hoàn thành nội dung bài tập sau: (đánh dấu x)

<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Tên vật thể</th><th colspan="2">Vật thể</th></tr>
<tr><th>Tự nhiên</th><th>Nhân tạo</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Cây mía</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Sách</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bàn ghế</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Sông suối</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Bút bi</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>Lõi dây điện</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>Không khí</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>8</td><td>Ấm đun nước</td><td></td><td></td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa	Bài 1. + Mục I: …. + Mục II: …. + Mục III: Bài 2 + Mục I: + Mục II:	

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi. Hoặc liên lạc qua được dây nóng giải đáp thắc mắc được các trường thực hiện , hoặc với các giáo viên dạy Hóa 8 : Cô Chi: 0908617455; Cô Thảo: 0923245685

NỘI DUNG BÀI HỌC

BÀI 1: MỞ ĐẦU MÔN HOÁ HỌC

I. Hóa Học là gì?

- Hoá học là khoa học nghiên cứu chất và biến đổi chất.

II. Hoá học có vai trò như thế nào trong cuộc sống chúng ta?

- Hóa Học có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta

III. Các em cần phải làm gì để có thể học tốt môn hoá học?

1.Khi học tập môn HH các em cần chú ý thực hiện các hoạt động:

- Tự thu thập, tìm kiếm kiến thức, xử lí thông tin, vận dụng và ghi nhớ.

2. Phương pháp học tập môn HH như thế nào là tốt?

- Biết làm thí nghiệm và quan sát thí nghiệm.
- Có hứng thú say mê.
- Phải nhớ 1 cách chọn lọc.
- Phải đọc thêm sách.

→ Học tốt môn hóa học là nắm vững và có khả năng vận dụng kiến thức đã học.

CHƯƠNG 1: CHẤT – NGUYÊN TỬ- PHÂN TỬ

BÀI 2: CHẤT

I.Chất có ở đâu?

- Chất có ở khắp nơi, ở đâu có vật thể thì ở đó có chất.
- Vật thể chia thành 2 loại: vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo.

II. Tính chất của chất.

1. Mỗi chất có những tính chất nhất định

- Tính chất vật lí: Trạng thái (thể), màu, mùi, vị, tính tan, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, khối lượng riêng, tính dẫn điện, dẫn nhiệt,…

-Tính chất hoá học: Khả năng biến đổi chất, khả năng bị phân hủy,tính chất cháy, nổ...

*** Để biết được tính chất cần phải:**

- Quan sát: màu sắc, trạng thái …
- Dùng dụng cụ đo: t_s, t_{nc}, khối lượng riêng …
- Làm thí nghiệm: tính tan, tính dẫn diện, dẫn nhiệt…

2. Việc hiểu biết tính chất của chất có lợi gì?

a. Giúp phân biệt chất này với chất khác, tức nhận biết được chất.

b. Biết cách sử dụng chất.

c. Biết ứng dụng chất thích hợp trong đời sống và sản xuất.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN:2

1. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**BÀI 2: CHẤT (T2) – LỚP 8**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**III. Chất tinh khiết** **1. Chất tinh khiết và hỗn hợp** ? Quan sát chai nước khoáng và ống nước cất dưới đây và cho biết: - Màu sắc của chai nước khoáng và ống nước cất. - Cả hai có uống được không? Loại nào được sử dụng để pha chế thuốc tiêm và sử dụng trong phòng thí nghiệm. Vì sao? Nước khoáng Nước cất - Hướng dẫn: Nước bên trong cả hai đều là trong suốt, không màu và cả hai đều uống được. Nhưng nước cất được dùng để pha chế thuốc tiêm và sử dụng trong phòng thí nghiệm vì nước cất không bị lẫn những chất khác, còn nước khoáng có thêm các thành phần khác như calcium, magnesium, sodium, … không đảm bảo giữ nguyên tác dụng của thuốc ? Dựa vào đó ta nói nước khoáng là hỗn hợp và nước cất là chất tinh khiết, như vậy hãy cho biết hỗn hợp là gì? Chất tinh khiết là gì? - Cũng như nước khoáng, nước biển, nước sông suối, nước ao hồ, nước giếng,… kể cả nước máy đều có trộn lẫn chất khác và là hỗn hợp. ? Nêu các ví dụ về hỗn hợp và chất tinh khiết. * Chưng cất nước tự nhiên:

	Sơ đồ chưng cất nước tự nhiên ? Làm thế nào để khẳng định nước cất là chất tinh khiết? ? Chất như thế nào mới là chất có những tính chất nhất định? **2. Tách chất ra khỏi hỗn hợp** ? Tham khảo thông tin SGK Hóa học 8 trang 10 hãy cho biết khi đun nóng - Chất khí như thế nào? - Chất rắn như thế nào? - Dựa vào đâu để tách chất ra khỏi hỗn hợp của chúng?
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	1. Nêu thí dụ về hai vật thể tự nhiên, hai vật thể nhân tạo 2. Cho biết khí carbon dioxide (còn gọi là khí cacbonic) là chất có thể làm đục nước vôi trong. Làm thế nào để nhận biết được khí này có trong hơi thở của ta.

3. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa Học 8	BÀI 2: CHẤT (t2) Mục III: Phần 1: Phần 2:	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

NỘI DUNG BÀI GHI

BÀI 2: CHẤT (Tiết 2)

III. CHẤT TINH KHIẾT

1. Chất tinh khiết và hỗn hợp

- Hỗn hợp: gồm nhiều chất trộn lẫn với nhau. Vd: Nước tự nhiên..
- Chất tinh khiết: là chất không lẫn chất khác. Vd: Nước cất...
- Chất tinh khiết có tính chất nhất định. Còn hỗn hợp có tính chất thay đổi (phụ thuộc vào thành phần của hỗn hợp)

2. Tách chất ra khỏi hỗn hợp.

- Dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lý có thể tách 1 chất ra khỏi hỗn hợp.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến) MÔN:

HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN:2

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**BÀI 3: THỰC HÀNH 1** **TÍNH CHẤT NÓNG CHẢY CỦA CHẤT** **TÁCH CHẤT TỪ HỖN HỢP**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. TIẾN HÀNH THÍ NGHIỆM** - Đọc thông tin SGK trang 154 và hình 1.6 SGK trang 12 hãy trình bày: + Một số dụng cụ dùng trong thí nghiệm? + Các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm? + Cách sử dụng hóa chất. - Xem video clip thí nghiệm 2:Tác chất từ hỗn hợp muối ăn và cát. Hoàn thành tường trình: + Ghi tên chất được tách riêng trên giấy lọc và trong cốc. Giải thích quá trình tiến hành. Link: https://www.youtube.com/watch?v=yD5CiWg-9ZY
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	Hoàn thành bài tập sau: Câu 1: Hỗn hợp nào dưới đây có thể tách riêng các chất khi cho hỗn hợp vào nước, sau đó khuấy kĩ và lọc? A. Bột đá vôi và muối ăn B. Bột than và bột sắt C. Đường và muối D. Giấm và rượu Câu 2: Hỗn hợp chất rắn nào dưới đây có thể tách riêng dễ dàng từng chất bằng cách khuấy vào nước rồi lọc? A. Muối ăn và cát B. Muối ăn và đường C. Cát và mạt sắt D. Đường và bột mì

	Câu 3: Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là: A. Lọc B. Chưng cất C. Bay hơi D. Để yên cho muối lắng xuống rồi gạn nước Câu 4: Phễu chiết dùng để: A. Tách chất rắn ra khỏi dung dịch B. Tách hỗn hợp hai chất khí C. Tách hai chất lỏng không tan vào nhau D. Tách hỗn hợp hai chất rắn Câu 5: Phương pháp nào sau đây là thích hợp nhất để tách được muối ăn từ nước biển? A. Lọc B. Bay hơi C. Chưng cất phân đoạn D. Chiết

2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa học 8	Mục 1: …. Mục 2: …. Mục 3:….	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN:3

1. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**BÀI 4. NGUYÊN TỬ**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**1. Nguyên tử là gì?** **? Tham khảo thông tin SGK Hóa Học 8 mục 1 trang 14 cho biết:** + Các chất được tạo ra từ đâu? + Thế nào là nguyên tử? + Thành phần cấu tạo của nguyên tử ? + Kí hiệu và điện tích của electron? **2. Hạt nhân là gì?** **? Tham khảo thông tin SGK Hóa Học 8 mục 2 trang 14 cho biết:** + Hạt nhân tạo bởi những loại hạt nào? + Cho biết đặc điểm của từng loại hạt cấu tạo nên nguyên tử? **? Quan sát hình ảnh sau và thông tin mục 2 trang 14 cho biết:** 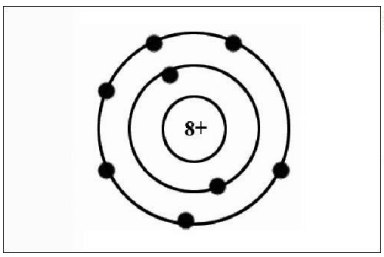 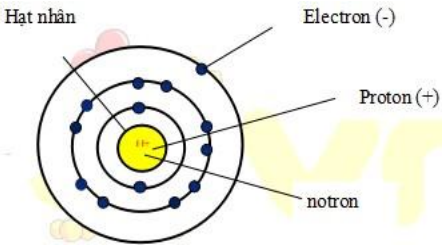 + Điện tích của hạt nhân là điện tích của hạt nào.? + Cho biết số proton trong nguyên tử Oxygen và Sodium. + Nhận xét gì về số lượng Proton với số electron trong hạt nhân? + Nhận xét gì về khối lượng của hạt p với hạt n trong hạt nhân nguyên tử. + So sánh khối lượng của một hạt P, n với một hạt e?

Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	Hoàn thành bài tập **Câu 1:** Chọn đán án đúng nhất A. Số p=số e B. Hạt nhân tạo bởi proton và electron C. Electron không chuyển động quanh hạt nhân D. Eletron sắp xếp thành từng lớp **Câu 2:** Chọn đáp án sai A. Khối lượng của hạt nhân được coi là khối lượng của nguyên tử B. Số p = số e C. Hạt nhân tạo bởi proton và notron D. Oxi có số p khác số e **Câu 3:** Đường kính của nguyên tử là A. 10^{-8} cm B. 10^{-9} cm C. 10^{-8} m D. 10^{-9}m **Câu 4:** Vì sao khối lương nguyên tử được coi bằng khối lượng hạt nhân. Chọn đáp án đúng A. Do proton và notron có cùng khối lượng còn electron có khối lượng rất bé B. Do số p = số e C. Do hạt nhân tạo bởi proton và notron

	D. Do notron không mang điện **Câu 5:** Hạt nhân được cấu tạo bởi: A. Notron và electron B. Proton va electron C. Proton và notron D. Electron

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa Học 8	BÀI 4:NGUYÊN TỬ Phần 1: Phần 2:	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

NỘI DUNG BÀI GHI

BÀI 4: NGUYÊN TỬ

1. Nguyên tử là gì?

- Các chất đều được tạo ra từ nguyên tử.
- Nguyên tử là những hạt vô cùng nhỏ, trung hoà về điện.
- Nguyên tử gồm:

+ Hạt nhân mang điện tích dương (+)

+ Vỏ tạo bởi 1 hay nhiều electron mang điện tích âm (-)

(Kí hiệu: e , điện tích: -1) **2.**

Hạt nhân nguyên tử:

- Hạt nhân nguyên tử tạo bởi các hạt proton và nơtron.

a. **Hạt proton**

+ Kí hiệu: p

+ Điện tích: +1

+ Khối lượng: $1,6726.10^{-24}$g b.

b. Nơtron

+ Kí hiệu: n

+ Điện tích: không mang điện.

+ Khối lượng: $1,6726.10^{-24}$g

- Trong 1 nguyên tử thì số p = số e, điện tích của 1p bằng điện tích của 1e về giá trị tuyệt đối nhưng trái dấu, nên nguyên tử trung hòa về điện.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN:3

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

<table>
<tr><th>NỘI DUNG</th><th>GHI CHÚ</th></tr>
<tr><td>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</td><td>BÀI 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</td><td>
I. Nguyên tố hóa học là gì?
1. Định nghĩa
? Đọc thông tin sgk trang 17 và bảng sau hãy trả lời các câu hỏi sau:
<table>
<tr><td>Nguyên tố Hiđrô
Hạt nhân Nguyên tử</td><td>Nguyên tử H-1
 </td><td>Nguyên tử H-2
 </td><td>Nguyên tử H- 3
 </td></tr>
<tr><td>Số p</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr>
<tr><td>Số n</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr>
</table>
+ Ba nguyên trên thuộc cùng 1 nguyên tố hoá học nào?
+ Ba nguyên tử trên có cùng loại hạt nào?
+ Nguyên tố hóa học là gì? Chúng có tính chất như thế nào?
2. Kí hiệu hóa học
? Dựa vào bảng một số nguyên tố hóa học, hoàn thành bài tập sau:
Bài tập: Dựa vào bảng 1 SGK/42. Điền số electron thích hợp vào ô trống và trả lời các câu hỏi sau?
<table>
<tr><td></td><td>Số p</td><td>Số n</td><td>Số e</td><td>Tên ntố</td><td>KHHH</td></tr>
<tr><td>Ntử 1</td><td>19</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 2</td><td>20</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td>Ntử 3</td><td>19</td><td>21</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 4</td><td>17</td><td>18</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 5</td><td>17</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
+ Trong 5 nguyên tử trên, những nguyên tử nào thuộc cùng một nguyên tố hoá học? vì sao ?
+ Cho biết tên các nguyên tố Hoá học trên ?
+ Cho biết KHHH của các nguyên tố được viết như thế nào ? Cho biết KHHH của các nguyên tố sau: sodium, carbon, sulfur, magnesium?
- Một số kí hiệu hóa học không giống với tên vì được gọi bằng tiếng Latinh do KHHH qui định dùng thống nhất trên TG.
- Mỗi kí hiệu của nguyên tố hoá học còn chỉ một nguyên tử của nguyên tố đó. (ý nghĩa của kí hiệu hóa học)
Vd: Fe: chỉ 1 nguyên tử Iron
2 H :chỉ 2 nguyên tử hydrogen
II. Nguyên tử khối
? Đọc thông tin sgk trang 18 và trả lời các câu hỏi: Đơn vị cacbon là gì?
- Cho : H = 1đvC, O = 16đvC, Ca = 40đvC, Mg = 24đvC , S = 32đvC …
+ Trong các nguyên tử trên, nguyên tử nào nhẹ nhất ?
+ Nguyên tử Carbon, Oxygen nặng hay nhẹ gấp bao nhiêu lần nguyên tử Hydrogen ?
+ Giữa 2 nguyên tử cacbon và oxi, nguyên tử nào nhẹ hơn, nhẹ hơn bao nhiêu lần?
? Thế nào là nguyên tử khối? Mỗi nguyên tố có bao nhiêu nguyên tử khối (NTK) (mỗi nguyên tố có bao nhiêi nguyên tử khối.Mỗi nguyên tố có 1 NTK riêng biệt)
- Dựa vào NTK của 1 nguyên tố chưa biết, ta xác định được đó là nguyên tử nào.</td></tr>
<tr><td>**Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***</td><td>**Dựa vào bảng một số nguyên tố hóa học hoàn thành các bài tập**
1. Tính khối lượng bằng đvC của: 3C , 2S, 5Na
2. Nguyên tử của nguyên tố A có 16 p . Hãy cho biết:
a. Tên và kí hiệu của A.
b. Số e của A.
c. Nguyên tử A nặng gấp bao nhiêu lần nguyên tử Hiđro và Oxi.</td></tr>
</table>

3. Hãy điền tên, kí hiệu và số thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Tên nguyên tố	Kí hiệu hóa học	Tổng số hạt	Số p	Số e	Số n
		34			12
			15		16
		18	6		
				16	16

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	**Nội dung học tập**	**Câu hỏi của học sinh**
Hóa Học 8	BÀI 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC Mục I: Phần 1 Phần 2 Mục II	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
  Thời gian: CHỦ NHẬT từ 9 giờ đến 21 giờ
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

NỘI DUNG BÀI GHI

BÀI 4: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. Nguyên tố hoá học là gì?

1. Định nghóa

- Nguyên tố hoá học là tập hợp các những nguyên tử cùng loại, có cùng số prôtôn trong hạt nhân.
- Số p là số đặc trưng của một nguyên tố hoá học.
- Các nguyên tử thuộc một nguyên tố hoá học đều có TCHH như nhau

2. Kí hiệu hoá học

- Mỗi nguyên tố được biểu diễn bằng một kí hiệu hoá học.
- Kí hiệu hoá học của các nguyên tố được biểu diễn bằng một hay hai chữ cái, trong đó chữ cái đứng đầu được viết ở dạng chữ in hoa.

II. Nguyên tử khối

- Mỗi đơn vị Cacbon bằng 1/12 khối lượng của nguyên tử Cacbon.
- Nguyên tử khối là khối lượng của nguyên tử tính
bằng đơn vị Cacbon. (đvC)
- Mỗi nguyên tố có nguyên tử khối riêng biệt

BẢNG 1 SỐ NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

SỐ PRONTON	KÍ HIỆU HÓA HỌC	TÊN NGUYÊN TỐ	NGUYÊN TỬ KHỐI	HÓA TRỊ
1	H	Hydrogen	1	I
2	He	Helium	4	
3	Li	Lithium	7	I
4	Be	Beryllium	9	II
5	B	Boron	11	III
6	C	Carbon	12	IV, II
7	N	Nitrogen	14	III, II, IV...
8	O	Oxygen	16	II
9	F	Fluorine	19	I
10	Ne	Neon	20	
11	Na	Sodium	23	I
12	Mg	Magnesium	24	II
13	Al	Aluminium	27	III
14	Si	Silicon	28	IV
15	P	Phosphorus	31	III, V
16	S	Sulfur	32	II, IV, VI
17	Cl	Chlorine	35,5	I,...
18	Ar	Argon	39,9	
19	K	Potassium	39	I
20	Ca	Calcium	40	II
.				
.				

.				
24	Cr	Chromium	52	II, III,...
25	Mn	Manganese	55	II, IV, VII,...
26	Fe	Iron	56	II, III
29	Cu	Copper	64	I, II
30	Zn	Zinc	65	II
35	Br	Bromine	80	I,...
47	Ag	Silver	108	I
56	Ba	Barium	137	II
80	Hg	Mercury	201	I, II
82	Pb	Lead	207	II, IV

BÀI TẬP TUẦN 4.

Câu 1. Hãy phân biệt từ nào (những từ in nghiêng) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất

a) *Lưỡi dao* bằng trong các chất sau đây. *sắt*, *cán dao* bằng *nhựa*.

b) *Không khí* gồm oxygen, *nitrogen,…*

c) *Biển* gồm *nước*, *muối* và một số chất khác.

d) *Khoai lang* chứa nhiều *vitamin A, B, C, E, protein, tinh bột, chất nhựa, các axit amin*.

e) Với những *bút* cao cấp, thân bút thường được làm bằng *bạc*, bạc mạ *vàng*, vàng, hoặc thậm chí là *bạch kim*.

f) Khi ăn một *trái cam*, cơ thể được bổ sung *nước* với các chất bổ dưỡng như *vitamin C*, đường *glucozo* cùng với *chất xơ*.

g) Rất nhiều thiết bị điện như *tivi*, *máy tính*, *thảm điện*, thường chứa *Bromine* (chất chống cháy).

h) *Đường ăn* được sản xuất từ *cây mía*, *củ cải đường*.

i) *Ly* làm bằng *thủy tinh* dễ vỡ hơn ly *nhựa.*

Câu 2. Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24, S là 32. Các nguyên tử trên nặng hay nhẹ hơn nguyên tử C, và nặng hay nhẹ hơn bao nhiêu lần.

Câu 3. Nguyên tử X nặng gấp 2 lần nguyên tử S. Tính nguyên tử khối của X, và cho biết X thuộc nguyên tố nào. Viết kí hiệu hóa học của nguyên tố đó.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN: 4

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

<table>
<tr><th>NỘI DUNG</th><th>GHI CHÚ</th></tr>
<tr><td>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</td><td>BÀI 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</td><td>
I. Đơn chất – hợp chất?
? Đọc thông tin sgk trang 22, 23 và bảng sau hãy trả lời các câu hỏi sau:
<table>
<tr><th rowspan="2">Tên chất</th><th rowspan="2">Thành phần nguyên tố</th><th colspan="2">Phân loại.</th></tr>
<tr><th>1 n.tố</th><th>nhiều n.tố</th></tr>
<tr><td>Hydrogen
Nước
Oxygen
Muối ăn</td><td>H
H,O
O
Na, Cl</td><td></td><td></td></tr>
</table>
- Dựa vào thành phần nguyên tố người ta chia hợp chất làm mấy loại ?
- Đơn chất là gì ? Đơn chất được phân làm mấy loại?
- Hợp chất là gì? Hợp chất được phân làm mấy loại?
? Đọc thông tin SGK trang 22, 23 quan sát hình 1.10 và hình 1.11 trả lời các câu hỏi:
- Trong đơn chất kim loại đồng các các nguyên tử sắp xếp với nhau như thế nào?
- Trong đơn chất khí hydrogen và khí oxygen sự sắp xếp các nguyên tử như thế nào?
- Trong hợp chất sự sắp xếp các nguyên tử như thế nào?
II. Phân tử - Phân tử khối
? Đọc thông tin sgk trang 24 và trả lời các câu hỏi:
- Phân tử là hạt như thế nào?
- Phân tử trong đơn chất kim loại như thế nào?
- Phân tử khối là gì? Phân tử khối được tính như thế nào?
</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</td>
<td>
1/ Hãy chỉ ra đâu là đơn chất, đâu là hợp chất trong các câu sau và giải thích.
<table>
<tr><th></th><th>Đơn chất</th><th>Hợp chất</th><th>Giải thích</th></tr>
<tr><td>a. Khí amoniac tạo nên từ N và H
b. Phosphorus tạo nên từ P
c. Chloric acid tạo nên tử H và Cl
d. Calcium carbonate tạo nên từ Ca, C và O
e. Clucose tạo nên từ C, H và O
f. Kim loại Sodium tạo nên từ Na
g. Ozon được tạo nên từ O.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
2/ Tính phân tử khối của:
a. Sulfuric acid biết phân tử gồm: 2H , 1S và 4O.
b. Khí amoniac biết phân tử gồm: 1N và 3H.
c. Calcium cabornate biết phân tử gồm: 1Ca, 1C và 3O.
</td>
</tr>
</table>

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa Học 8	BÀI 6: ĐƠN CHẤT – HỢP CHẤT – PHÂN TỬ Mục I: Mục II	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

NỘI DUNG BÀI GHI

BÀI 5. ĐƠN CHẤT – HỢP CHẤT – PHÂN TỬ

I. Đơn chất - Hợp chất.

Bảng so sánh đơn chất hợp chất

	ĐƠN CHẤT	HỢP CHẤT
Định nghĩa	Đơn chất: là những chất được cấu tạo từ một nguyên tố hoá học. Ví dụ: khí hydrogen (H), khí oxygen (O), sắt (Fe), đồng (Cu)	Hợp chất: là những chất được tạo nên từ hai hay nhiều nguyên tố hoá học. Ví dụ: nước (H và O); amoniac (N, H); muối ăn (Na, Cl), sulfuric acid (H,S,O)
Phân loại	Đơn chất: có 2 loại - Kim loại: iron (Sắt) (Fe), copper (đồng) (Cu) , Aluminium (nhôm) (Al), - Phi kim: Khí Hydrogen (H), khí oxygen (O), sulfur (S),...	Hợp chất: có 2 loại - Hợp chất vô cơ: hydrogen chloric acid, muối, base, … - Hợp chất hữu cơ: khí methane, đường ăn, dầu mỏ…
Đặc điểm cấu tạo	- Kim loại: Các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo một trật tự xác định. - Phi kim: các nguyên tử thường liên kết theo một số nhất định là 2.	Hợp chất: nguyên tử của các nguyên tố liên kết theo một tỉ lệ nhất định.

III. PHÂN TỬ

1. Định nghĩa:

- Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm 1 số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất.

2. Phân tử khối:

- Phân tử khối là khối lượng của phân tử tính bằng đ.v.C
- PTK bằng tổng nguyên tử khối của các nguyên tử trong phân tử.